

NỘI DUNG KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN KHTN 6

(LẦN 1 HK2)

NỘI DUNG LÝ THUYẾT:

BÀI 27: NGUYÊN SINH VẬT :

a. Đặc điểm cấu tạo của nguyên sinh vật.

- Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật có môi trường sống đa dạng, cấu tạo tế bào nhân thực, đơn bào, kích thước hiển vi.
- Một số sinh vật có khả năng quang hợp: tảo lục, trùng roi,..
- Nguyên sinh vật đa dạng về hình dạng (hình cầu, hình thoi, hình giày,..) một số hình dạng không xác định (trùng biến hình,..)

b. Bệnh do nguyên sinh vật gây nên

- Nguyên sinh vật là nguyên nhân gây ra một số bệnh ở người và động vật: sốt rét, kiết lị,...
- * Một số biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây nên:
 - Tiêu diệt côn trùng trung gian gây bệnh: ruồi, muỗi, bọ gậy...
 - Vệ sinh an toàn thực phẩm: ăn chín, uống sôi, rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, bảo quản thực phẩm đúng cách.
 - Vệ sinh môi trường xung quanh sạch sẽ, tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

BÀI 28. NẤM

a. Đặc điểm của Nấm.

- Nấm thường sống ở nơi ẩm ướt như đất ẩm, rơm rạ, thức ăn, hoa quả,...
- Dựa vào đặc điểm cấu tạo tế bào, nấm được chia thành hai nhóm: nấm đơn bào và nấm đa bào.
- Dựa vào đặc điểm cơ quan sinh sản, nấm chia thành hai nhóm: nấm đảm và nấm túi.
 - + Nấm đảm có cơ quan sinh sản là đảm bào tử, bào tử mọc trên đảm; đại diện: nấm rơm, nấm sò,...
 - + Nấm túi có cơ quan sinh sản là túi bào tử, bào tử nằm trong túi; đại diện: nấm men, nấm mốc,...
- Ngoài ra, dựa vào một số đặc điểm bên ngoài, nấm còn chia thành 2 nhóm: nấm ăn được và nấm độc.

b. Vai trò của Nấm.

- Có lợi: tham gia phân hủy xác động vật, rác thải hữu cơ → làm sạch môi trường; làm thức ăn; làm thuốc; làm men nở; chế biến thực phẩm;...
- Có hại: Làm giảm năng suất vật nuôi, cây trồng; gây bệnh cho người (nấm da tay, viêm phổi,...)
- Các con đường truyền bệnh: tiếp xúc mầm bệnh, ô nhiễm môi trường, vệ sinh cá nhân chưa đúng cách.
- Biện pháp phòng chống: hạn chế tiếp xúc nguồn gây bệnh, vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân thường xuyên

BÀI 29: THỰC VẬT

a. Các nhóm thực vật.

Thực vật đa dạng và phong phú. Thực vật được chia thành các nhóm:

- Rêu (chưa có rễ chính thức, chưa có mạch dẫn, sinh sản bằng bào tử)
- Dương xỉ (Có thân, rễ, lá hoàn chỉnh, đã có mạch dẫn)
- Hạt trần (Thân gỗ, lá kim, rễ cọc, có mạch dẫn, sinh sản bằng hạt (hạt nằm trên lá noãn hở), cơ quan sinh sản là nón)
- Hạt kín (Có rễ, thân, lá đa dạng, có mạch dẫn hoàn thiện, cơ quan sinh sản là hoa, hạt được bảo vệ trong quả).

b. Vai trò của thực vật.

- Trong tự nhiên, thực vật là thức ăn của nhiều loài sinh vật khác.
- Thực vật cung cấp nơi ở, nơi sinh sản cho nhiều loài sinh vật.
- Thực vật góp phần giữ cân bằng hàm lượng khí oxygen và carbon dioxide trong không khí, điều hòa khí hậu, chống xói mòn đất.
- Thực vật có vai trò quan trọng trong thực tiễn như: cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu làm thuốc, làm cảnh, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, ...

MỘT SỐ CÂU HỎI GỢI Ý

Câu 1: Cây thông là thực vật thuộc nhóm Hạt trần?

A. Đúng

B. Sai

Câu 2: Môi trường sống của cây rêu ở dưới nước?

A. Đúng

B. Sai

Câu 3: Em hãy cho biết môi trường sống của cây bèo tấm ở đâu?

A. Trên cạn

B. Tường ẩm

C. Dưới nước

D. Đất ẩm

Câu 4: Nhóm thực vật nào sau đây có đặc điểm có mạch, có hạt, không có hoa?

A. Hạt trần

B. Hạt kín

C. Rêu

D. Dương xỉ

Câu 5: Đặc điểm của nhóm thực vật hạt kín là gì?

A. Thực vật không có mạch

B. Thực vật có mạch, không có hạt

C. Thực vật có mạch, có hạt

D. Thực vật có mạch, có hoa, có hạt

Câu 6: Đặc điểm của nhóm thực vật dương xỉ là gì?

A. Thực vật không có mạch

B. Thực vật có mạch, không có hạt

C. Thực vật có mạch, có hạt

D. Thực vật có mạch, có hoa, có hạt

Câu 7: Vai trò của thực vật trong tự nhiên là gì?

A. Là nơi sinh sống cho một số sinh vật khác

B. Cung cấp thức ăn cho các sinh vật khác

C. Là một mắt xích quan trọng chuỗi thức ăn tự nhiên

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 8: Nguyên sinh vật là

A. Nhóm sinh vật chưa có cấu tạo tế bào, kích thước hiển vi.

- B. Nhóm sinh vật có cấu tạo tế bào nhân sơ, kích thước hiển vi.
- C. Nhóm sinh vật có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước hiển vi.
- D. Nhóm sinh vật chưa có cấu tạo tế bào, kích thước siêu hiển vi.

Câu 9: Trong các thực vật sau, loại nào cơ thể có cả hoa, quả và hạt?

- A. Cây bưởi B. Cây vụn tuế C. Rêu tường D. Cây thông

Câu 10: Vật trung gian truyền bệnh sốt rét là

- A. Ruồi giấm B. Muỗi Anopheles C. Chuột bạch D. Bọ chét

Câu 11: Ở dương xỉ, các túi bào tử nằm ở đâu?

- A. Mặt dưới của lá. B. Mặt trên của lá.
- C. Thân cây. D. Rễ cây.

Câu 12: Hãy cho biết những cây sau, cây nào có giá trị sử dụng để làm cảnh?

- A. Cây ngô B. Cây hoa lan
- C. Cây sấu D. Cây đu đủ

Câu 13: Loại thực vật nào dưới đây là tác nhân gây nên hiện tượng nước “nở hoa”

- A. Tảo B. Rêu
- C. Dương xỉ D. Thông

Câu 14: Những loại cây dưới đây cây nào có hại cho sức khỏe con người?

- A. Cây su hào B. Cây cà phê
- C. Cây cô ca D. Cây thông

Câu 15: Đặc điểm nào dưới đây không phải của giới Nấm

- A. Nhân thực C. Đơn bào hoặc đa bào
- B. Dị dưỡng D. Có sắc tố quang hợp

Câu 16: Cơ quan sinh sản của ngành Hạt trần là

- A. Bào tử B. Nón C. Hoa D. Rễ

Câu 17: Thực vật được chia thành mấy nhóm?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 18: Đặc điểm đặc trưng của Dương Xỉ là:

- A. Thân không phân nhánh B. Thân phân nhánh
- C. Có đủ hoa, quả và hạt D. Rễ phát triển

Câu 19: Đặc điểm đặc trưng của nhóm thực vật hạt trần?

- A. Có đầy đủ rễ, thân, lá B. Có đầy đủ rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt
- C. Hạt không có vỏ hạt bao bọc D. Hạt có vỏ hạt bao bọc

Câu 20: Đặc điểm đặc trưng của nhóm thực vật hạt kín?

- A. Có đầy đủ rễ, thân, lá B. Có đầy đủ rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt
- C. Hạt không có vỏ hạt bao bọc D. Hạt có vỏ hạt bao bọc

Câu 21: Nhóm thực vật phân bố rộng rãi nhất là:

- A. Dương xỉ B. Rêu C. Hạt trần D. Hạt kín

Câu 22: Rêu chỉ sống được ở nơi ẩm ướt vì?

- A. Chưa có rễ, thân, lá B. Rễ chưa hút được nước

C. Thân không phân nhánh D. Kích thước cơ thể nhỏ

Câu 23. Xác định nhóm Dương xỉ trong các trường hợp sau:

- A. Cây Bạch đàn, cây lúa, cây mít
- B. Cây Thông, cây bạch quả, cây Pomu, cây Hoàng đàn.
- C. Cây lông Cu Li, cây rau bợ, cây thông đá.
- D. Cây Bạch đàn, cây Dương xỉ, cây Thông.

Câu 24. Xác định nhóm Hạt trần trong các trường hợp sau:

- A. Cây Bạch đàn, cây lúa, cây mít
- B. Cây Thông, cây bạch quả, cây Pomu, cây Hoàng đàn.
- C. Cây lông Cu Li, cây rau bợ, cây thông đá.
- D. Cây Bạch đàn, cây Dương xỉ, cây Thông.

Câu 25. Để làm mẫu ép thực vật cần thực hiện mấy bước?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 26. Đại diện nhóm thực vật thường gặp nhất là?

- A. Rêu B. Dương xỉ C. Hạt trần D. Hạt kín

Câu 27: Đặc điểm sinh sản ở động vật nguyên sinh là

- A. Chỉ sinh sản phân đôi.
- B. Sinh sản theo hình thức tiếp hợp.
- C. Sinh sản vô tính theo kiểu phân đôi hoặc nảy chồi.
- D. Phần lớn sinh sản vô tính theo kiểu phân đôi, một số loài sinh sản hữu tính (tiếp hợp).

Câu 28: Động vật nguyên sinh có tác hại là

- A. Chỉ thị môi trường B. thức ăn cho động vật khác..
- C. Kí sinh gây bệnh. D. chỉ thị địa tầng, góp phần cấu tạo nên vỏ Trái Đất.

Câu 29: Trùng roi có màu xanh lá cây nhờ

- A. Sắc tố ở màng cơ thể. B. Màu sắc của hạt diệp lục.
- C. Màu sắc của điểm mắt. D. Sự trong suốt của màng cơ thể.

Câu 30: Hình thức dinh dưỡng của trùng roi xanh là

- A. Tự dưỡng. B. Dị dưỡng. C. Tự dưỡng và dị dưỡng. D. Kí sinh.

Câu 31: Nấm sinh sản chủ yếu theo hình thức nào ?

- A. Sinh sản bằng hạt B. Sinh sản bằng cách nảy chồi
- C. Sinh sản bằng cách phân đôi D. Sinh sản bằng bào tử

Câu 32: Nấm rơm sinh trưởng và phát triển từ :

- A. Các loại rơm rạ B. Thân cây mục
- C. Trên cơ thể sinh vật D. Trên những đồ vật

Câu 33: Loại nấm nào sau đây dùng để làm thức ăn :

- A. Nấm hương B. Nấm linh chi C. Nấm men D. Nấm mốc

Câu 34: Nấm đơn bào là những loại nấm chỉ có :

- A. Một tế bào B. Hai tế bào C. Ba tế bào D. Bốn tế bào

Câu 35: Nấm không có hình dạng nào sau đây:

- A. Hình bầu dục B. Hình mũ C. Hình sợi D. Hình vuông